TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Phước Công.

Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 337/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Kim L, sinh năm 1972. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Thân Phước D, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Kim L trình bày:

Bà và ông D sống chung với nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Htheo giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 1/2008 ngày 26 tháng 02 năm 2008, sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cự cải, ông D không quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Hiện nay tình cảm không còn, bà xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Thân Thị Băng C, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1998; Thân Thị Hồng C1, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2008. Hiện cháu Băng C1 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Hồng C1 do ông D chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L đồng ý để ông D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Hồng C1, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Phiên tòa bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Thân Phước D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, bà L gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, ông D không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Mặt khác, bà L xác định không còn tình cảm với ông D, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Nên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông D.

Về con chung: Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Hồng C sống với ông D vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và được đi học, nguyện vọng của cháu Hồng C là được sống với ông D. Để ổn định cuộc sống cho cháu Hồng C nên để ông D tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do ông D không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Thạch Kim L khởi kiện ông Thân Phước D, ông D cư trú ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Thân Phước D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà L và ông D ly thân từ năm 2017 đến nay không còn liên lạc, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa bà L và ông D không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà L xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Thân Thị Băng C, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1998; Thân Thị Hồng C1, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2008. Hiện cháu Băng C1 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Hồng C1 do ông D chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà L đồng ý để ông D tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu Hồng C1 đã sống ổn định với ông D, cháu Hồng C1 cũng có nguyện vọng sống với cha. Bà L đồng ý để ông D chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông D cũng không có ý kiến phản đối. Tại biên bản xác minh ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thì Hồng C1 sống với ông D phát triển tốt về tinh thần và thể chất, nhà ông D gần trường học, trạm y tế, đảm bảo về việc học hành cũng như chăm sóc sức khỏe cho cháu Hồng C1. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho ông D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông Thân Phước D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với bà L.

[5]. *Về tài sản chung:* Không yêu cầu nên không giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Không yêu cầu nên không giải quyết.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà L và ông D thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Thạch Kim L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Thạch Kim L.

- Về hôn nhân: Bà Thạch Kim L được ly hôn với ông Thân Phước D.

- Về con chung: Ông Thân Phước D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Thân Thị Hồng C1, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2008.

Ông Thân Phước D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Thạch Kim L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Bà Thạch Kim L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0019603 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới